TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ - ST
Ngày 23 - 6 – 2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hanh

2. Bà Kiều Thị Thắng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Trần Mạnh T**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 10 tháng 12 năm 2020, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Mạnh T đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 4 năm 2014, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và chung sống với gia đình anh Tuyển. Qúa trình chung sống, tình cảm vợ chồng 05 năm

đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau. Từ tháng 11/2020 chị đã về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không có dàn xếp gì. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T .

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Trần Đức H1, sinh ngày 21/11/ 2014 và cháu Trần Văn H2, sinh ngày 01/3/2017. Hiện cháu cháu H1 và cháu H2 đang ở với anh T. Ly hôn, chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 để anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Mạnh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập của Tòa án, được Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, anh Trần Mạnh T đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T cũng như việc tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Anh T không có yêu cầu phản tố, cũng như không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án tiếp tục xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục chung đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn anh Trần Mạnh T. Về con chung: Giao con chung cháu Trần Đức H1, sinh ngày 21/11/ 2014 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung cháu Trần Văn H2, sinh ngày 01/3/2017 cho anh Trần Mạnh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Dương giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung với anh Trần Mạnh T có địa chỉ tại Thôn L, xã Đ, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Mạnh T đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai về việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Trần Mạnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[4] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Mạnh T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau. Năm 2020 chị H đã làm đơn xin ly hôn sau đó xin rút đơn. Đến tháng 11 năm 2020 chị H đã về gia đình bố mẹ đẻ chị ở. Vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay, không có dàn xếp gì. Trong thời gian ly thân, cả hai bên đều không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Qúa trình xác minh tại địa phương và lời trình bày của bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ anh T) thì anh Trần Mạnh T biết về việc khởi kiện của chị Nguyễn Thị H nhưng anh T không chấp hành theo các thông báo của Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Trần Đức H1, sinh ngày 21/11/ 2014 và cháu Trần Văn H2, sinh ngày 01/3/2017. Hiện cháu H1 và cháu H2 đang ở với anh T. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 để anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy khi vợ chồng ly hôn, việc

giao con cho bố, mẹ chăm sóc nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi của con. Chị H hiện làm công nhân có thu nhập ổn định, qua xác minh tại địa phương anh T làm nghề lao động tự do có thu nhập. Để quyền lợi các con được đảm bảo và cũng là cho mỗi bên có được điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung tốt nhất. Vì vậy, cần giao cháu H1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu H2 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[6] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh Trần Mạnh T là bị đơn vắng mặt, Tòa án không lấy được lời khai của anh T nên không xác định được anh T, chị H có tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác hay không và quan điểm của anh T như thế nào nên cần tách ra khi nào đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Mạnh T .

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Đức H1, sinh ngày 21/11/2014 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Trần Văn H2, sinh ngày 01/3/2017 cho anh Trần Mạnh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2020/0001501 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Dương. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyệnTam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã Đ, huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Tiến Dũng